

Bản án số: 03/2017/DS-PT
Ngày: 27-11-2017
V/v tranh chấp yêu cầu chấm dứt
hành vi cản trở trái pháp luật và đòi
bồi thường thiệt hại về tài sản.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH QUẢNG NGÃI**

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà: Bà Trịnh Thị Thu Lan

Các Thẩm phán: Ông Nguyễn Bá Nhật
Ông Nguyễn Đức Dũng

- Thư ký phiên toà: Ông Đỗ Quang Hải - Thư ký Tòa án, Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Ngãi.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Quảng Ngãi tham gia phiên toà: Bà Nguyễn Thị Bích Liên - Kiểm sát viên.

Ngày 27/11/2017 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Tư Nghĩa, tỉnh Quảng Ngãi, địa chỉ: Quốc lộ 1A, thị trấn La Hà, huyện Tư Nghĩa, tỉnh Quảng Ngãi, xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số 05/2017/TLPT-DS ngày 09/10/2017, về việc: “*Tranh chấp về yêu cầu chấm dứt hành vi cản trở trái pháp luật và đòi bồi thường thiệt hại về tài sản*”.

Do bản án dân sự sơ thẩm số 08/2017/DSST ngày 01/8/2017 của Tòa án nhân dân huyện Tư Nghĩa, tỉnh Quảng Ngãi bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 31/2017/QĐ-PT ngày 10/11/2017, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Ông Bùi Lương H - sinh năm 1976

- *Bị đơn:* 1. Bà Đoàn Thị Xuân T - sinh năm 1968

2. Bà Đoàn Thị Xuân T - sinh năm 1962

3. Ông Đoàn C (Tên gọi khác: T) - sinh năm 1930

4. Bà Nguyễn Thị Đ - sinh năm 1930

Cùng cư trú tại xóm 8, thôn A 1, xã N, huyện T, tỉnh Quảng Ngãi.

Người đại diện theo ủy quyền của bà Đoàn Thị Xuân T: Ông Đào Tấn Đ – sinh năm 1947; cư trú tại xóm 2, thôn T, xã N, huyện T, tỉnh Quảng Ngãi.

(theo văn bản ủy quyền ngày 22/11/2017)

- Người kháng cáo: Bà Đoàn Thị Xuân T là bị đơn trong vụ án.

(Ông H, bà T, bà Đ, bà T và ông Đ có mặt tại phiên tòa).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện đề ngày 24/3/2017 và lời trình bày tại các tài liệu có tại hồ sơ và tại phiên tòa sơ thẩm, nguyên đơn là ông Bùi Lương H trình bày:

Ngày 19/7/2012, ông Nguyễn Tấn H và bà Trương Thị T đã chuyển nhượng cho ông và bà Bùi Thị Kim U thửa đất số 1849, tờ bản đồ số 01, diện tích 690m² tại thôn A 1, xã N, huyện T, tỉnh Quảng Ngãi. Thửa đất này, ông H và bà T đã được UBND huyện T, tỉnh Quảng Ngãi cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất vào ngày 11/7/2012, chỉnh lý biên động trang 3 cho ông và bà U ngày 16/8/2012.

Ngày 20/02/2013, ông thuê thợ đến đóng trụ bê tông làm hàng rào thì bà Đoàn Thị Xuân T và bà Đoàn Thị Xuân T cản trở, không cho thợ làm và đập nát 02 trụ bê tông. Cũng trong năm 2013, bà T tự ý đốn 01 bụi tre của ông, ông có báo và UBND xã N tiến hành lập biên bản giải quyết nhưng bà T không chấp hành. Ngày 31/7/2013, Công an xã N đã có Quyết định xử phạt vi phạm hành chính đối với bà T với hình thức cảnh cáo.

Ngày 17/02/2014, ông được UBND xã N cấp giấy phép xây dựng. Ngày 18/02/2014, ông thuê thợ mở móng làm nhà thì bà T, bà Đoàn Thị Xuân B, bà Đoàn Thị Xuân B1 và bà Nguyễn Thị Đ ra ngăn cản nên ông không làm nhà được.

Ngày 19/4/2014, ông tiếp tục thuê thợ đến làm nhà thì bà T, bà B, bà B1 và bà Đ tiếp tục cản trở, gây rối không cho làm nên ông báo UBND xã N đến lập biên bản.

Ngày 03/3/2017, ông thuê 10 người thợ đến xây tường rào, cổng ngõ, ông có mời ông H đến để tiến hành giao đất và có báo Chủ tịch UBND xã N biết để can thiệp, giúp đỡ nhưng bà T, bà T, bà Đ đập phá, gây rối, cản trở không cho thợ làm ông, UBND xã N có lập biên bản sự việc. Thiệt hại là 03 trụ bê tông trị giá 450.000đ và 10 ngày công thợ là 4.000.000đ (400.000đ x 10 ngày), tổng thiệt hại là 4.450.000đ.

Theo Đơn khởi kiện, ông yêu cầu bà T, bà T, ông Đoàn C, bà Đ phải bồi thường cho ông 10 ngày công thợ là 4.000.000đ, 03 trụ bê tông trị giá 450.000đ và buộc bà T, bà T, bà Đ, ông C chấm dứt hành vi cản trở để ông thực hiện quyền của mình đối với thửa đất số 1849, tờ bản đồ số 01, diện tích 690m² tại thôn A 1, xã N, huyện T, tỉnh Quảng Ngãi.

Quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa sơ thẩm, ông rút yêu cầu khởi kiện đối với ông C về việc yêu cầu chấm dứt hành vi cản trở trái pháp luật và bồi thường

thiệt hại về tài sản. Ông cũng rút yêu cầu buộc bà T, bà T, bà Đ bồi thường 03 cây trụ bê tông, chỉ yêu cầu Tòa án buộc bà T, bà T, bà Đ chấm dứt hành vi cản trở trái pháp luật và bồi thường cho ông thiệt hại 10 ngày công thợ trị giá 4.000.000đ. Ngoài ra, ông không yêu cầu gì khác.

** Bị đơn là bà Đoàn Thị Xuân T, bà Đoàn Thị Xuân T, ông Đoàn C (T), bà Nguyễn Thị Đ không có văn bản trình bày ý kiến và cũng không đến Tòa án làm việc.*

Bản án số 08/2017/DSST ngày 01/8/2017 của Tòa án nhân dân huyện Tư Nghĩa đã xử:

1. Đình chỉ xét xử đối với yêu cầu của nguyên đơn về việc yêu cầu bị đơn là bà Đoàn Thị Xuân T, bà Đoàn Thị Xuân T, ông Đoàn C (T), bà Nguyễn Thị Đ liên đới bồi thường cho nguyên đơn 03 cây trụ bê tông trị giá 450.000đ.

2. Đình chỉ xét xử đối với yêu cầu của nguyên đơn về việc yêu cầu bị đơn là ông C (T) chấm dứt hành vi cản trở trái pháp luật đối với thửa đất số 1849, tờ bản đồ số 01, diện tích 690m² tại thôn A 1, xã N, huyện T, tỉnh Quảng Ngãi và liên đới bồi thường cho nguyên đơn 10 ngày công thợ xây dựng với số tiền 4.000.000đ.

3. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn về việc yêu cầu bị đơn là bà T, bà T, bà Đ chấm dứt hành vi cản trở trái pháp luật. Buộc bà T, bà T, bà Đ chấm dứt hành vi cản trở trái pháp luật đối với việc thực hiện quyền sử dụng đất của nguyên đơn đối với thửa đất số 1849, tờ bản đồ số 01, diện tích 690m² tại thôn A 1, xã N, huyện T, tỉnh Quảng Ngãi.

4. Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn về việc yêu cầu bị đơn bồi thường tiền thuê thợ xây dựng. Buộc bà T, bà T, bà Đ phải bồi thường cho nguyên đơn 10 ngày công, mỗi ngày 250.000đ, tổng cộng 2.500.000đ, cụ thể mỗi người phải bồi thường 833.000đ.

5. Bác phần yêu cầu của nguyên đơn buộc bị đơn phải bồi thường 10 ngày công thợ xây dựng là 1.500.000đ (4.000.000đ - 2.500.000đ).

Ngoài ra, bản án sơ thẩm còn tuyên án phí và quyền kháng cáo của các đương sự.

Ngày 18/8/2017, bà Đoàn Thị Xuân T có Đơn kháng cáo với nội dung: Bà không đồng ý bồi thường các khoản tiền mà Tòa án nhân dân huyện Tư Nghĩa buộc bà phải bồi thường cho ông H, bà yêu cầu hủy bản án sơ thẩm.

** Tại phiên tòa đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Quảng Ngãi phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa, các Thẩm phán tham gia phiên tòa, Thư ký phiên tòa kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án đều đúng theo quy định tại Điều 285, 286, 287, 294, 298 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.*

Đối với người tham gia tố tụng từ khi Tòa án cấp phúc thẩm thụ lý vụ án cho đến thời điểm xét xử đã thực hiện đúng các quy định tại Điều 70, 71, 72, 85, 86 và 234 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

Về hình thức: Đơn kháng cáo của bà Đoàn Thị Xuân T là hợp lệ và trong thời hạn luật định theo quy định tại Điều 271, 272, 273 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

Về nội dung: Ngày 19/7/2012, ông Nguyễn Tấn H và bà Trương Thị T chuyển nhượng cho ông Bùi Lương H và bà Bùi Thị Kim U thửa đất số 1849, tờ bản đồ số 01, diện tích 690m² tại thôn A 1, xã N, huyện T, tỉnh Quảng Ngãi và đã được chỉnh lý biến động trang 3 trong giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho ông H và bà U ngày 16/8/2012. Nhiều lần, ông H thuê thợ xây dựng tường rào, cổng ngõ thì các bà T, T, Đ cản trở, đập phá, không cho thợ thi công. Ông H đã nhiều lần đề nghị UBND xã N can thiệp, giải quyết nhưng các bà T, T, Đ không chấp hành. Tại phiên tòa, các bà T, T, Đ đều thừa nhận có hành vi cản trở nên việc ông H khởi kiện yêu cầu các bà T, T, Đ phải chấm dứt hành vi cản trở trái pháp luật là có cơ sở.

Tại biên bản sự việc ngày 03/3/2017, biên bản xác minh ngày 31/5/2017 thể hiện ông H có thuê 10 người thợ xây dựng tường rào, cổng ngõ trên thửa đất 1849 nhưng các bà T, T, Đ đến đập phá, làm hư hỏng 03 trụ bê tông và cản trở không cho thợ tiếp tục thi công. UBND xã N có mời các bà T, T, Đ đến làm việc nhưng các đương sự không chấp hành. Tòa án cấp sơ thẩm đã triệu tập hợp lệ bị đơn đến Tòa án làm việc, tham gia phiên họp việc giao nộp, tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải nhưng bị đơn đều vắng mặt không có lý do và không có văn bản ghi ý kiến gửi cho Tòa án. Tòa án cấp sơ thẩm đã buộc các bà T, T, Đ chấm dứt hành vi cản trở trái pháp luật đối với việc thực hiện quyền sử dụng đất của ông H đối với thửa đất số 1849, tờ bản đồ số 01, diện tích 690m² tại thôn A 1, xã N, huyện T, tỉnh Quảng Ngãi và buộc các bà T, T, Đ phải bồi thường cho ông H 10 ngày công thợ xây dựng là 2.500.000đ là có cơ sở. Việc bà T kháng cáo đề nghị hủy bản án sơ thẩm nhưng không cung cấp được tài liệu, chứng cứ chứng minh cấp sơ thẩm có vi phạm pháp luật trong quá trình giải quyết vụ án nên không có căn cứ chấp nhận kháng cáo của bà T để hủy bản án sơ thẩm. Do đó, đề nghị Hội đồng xét xử giữ nguyên bản án sơ thẩm số 08/2017/DSST ngày 01/8/2017 của Tòa án nhân dân huyện Tư Nghĩa.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Xét kháng cáo của bị đơn là bà Đoàn Thị Xuân T, Hội đồng xét xử thấy rằng:

Thửa đất số 1849, tờ bản đồ số 01, diện tích 690m² tại thôn A 1, xã N, huyện T, tỉnh Quảng Ngãi đã được UBND huyện T, tỉnh Quảng Ngãi cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho ông Nguyễn Tấn H, bà Trương Thị T vào ngày 11/7/2012. Ngày 19/7/2012 ông H, bà T chuyển nhượng diện tích đất nói trên cho ông Bùi Lương H, bà Bùi Thị Kim U và đã được chỉnh lý biến động trang 3 trong Giấy

chứng nhận quyền sử dụng đất cho ông H, bà U ngày 16/8/2012 là đúng quy định của pháp luật.

Tại Biên bản sự việc ngày 03/3/2017 của UBND xã N thể hiện: Ngày 03/3/2017, ông H thuê 10 người thợ đến xây tường rào, cổng ngõ thì bị các bà Đoàn Thị Xuân T, Đoàn Thị Xuân T, Nguyễn Thị Đ đập phá trụ bê tông, cản trở không cho thợ tiến hành việc xây dựng là hoàn toàn phù hợp với lời khai của những người làm chứng là thợ xây do ông H thuê để xây tường rào, cổng ngõ gồm các ông Nguyễn Quốc T, Lương Nhật T, Nguyễn Quốc V, Bùi Đức H, Nguyễn Duy T, Nguyễn Duy B, Bùi Anh T, Nguyễn Văn H, Nguyễn Văn T, Bùi Thanh T. Mặt khác, tại phiên tòa phúc thẩm, các bà T, T, Đ đều thừa nhận có hành vi cản trở ông H trong việc thực hiện quyền sử dụng đất đối với thửa đất số 1849, tờ bản đồ số 01, diện tích 690m² tại thôn A 1, xã N, huyện T, tỉnh Quảng Ngãi. Do đó, Tòa án cấp sơ thẩm đã buộc các bà T, T, Đ phải chấm dứt hành vi cản trở trái pháp luật và liên đới bồi thường thiệt hại tiền công xây dựng cho ông H số tiền 2.500.000đ là có cơ sở, đúng pháp luật. Tại cấp phúc thẩm, bà T không cung cấp được tài liệu, chứng cứ chứng minh Tòa án cấp sơ thẩm có vi phạm pháp luật trong quá trình giải quyết vụ án nên không có căn cứ chấp nhận kháng cáo của bà T để hủy bản án sơ thẩm.

[2] Về án phí: Bà T phải chịu 300.000đ án phí dân sự phúc thẩm nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí dân sự phúc thẩm đã nộp là 300.000đ theo biên lai số AA/2014/0004421 ngày 05/9/2017 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Tư Nghĩa, tỉnh Quảng Ngãi. Bà T đã nộp đủ án phí dân sự phúc thẩm.

[3] Đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Quảng Ngãi phù hợp với nhận định trên, được chấp nhận.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 2, khoản 6 Điều 26, Điều 35, 39, khoản 1 Điều 147, khoản 1 Điều 148, khoản 2 Điều 227, Điều 244, Điều 271, khoản 1 Điều 308 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

Điều 169, 589 Bộ luật dân sự năm 2015.

Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Không chấp nhận kháng cáo của bà Đoàn Thị Xuân T, giữ nguyên bản án dân sự sơ thẩm số 08/2017/DSST ngày 01/8/2017 của Tòa án nhân dân huyện Tư Nghĩa.

1. Đình chỉ xét xử đối với yêu cầu của nguyên đơn về việc yêu cầu bị đơn là bà Đoàn Thị Xuân T, bà Đoàn Thị Xuân T, ông Đoàn C (T), bà Nguyễn Thị Đ liên

đời bồi thường cho nguyên đơn 03 cây trụ bê tông, trị giá 450.000đ (Bốn trăm năm mươi ngàn đồng).

2. Đình chỉ xét xử đối với yêu cầu của nguyên đơn về việc yêu cầu bị đơn là ông C (T) chấm dứt hành vi cản trở trái pháp luật đối với thửa đất số 1849, tờ bản đồ số 01, diện tích 690m² tại thôn A 1, xã N, huyện T, tỉnh Quảng Ngãi và liên đới bồi thường cho nguyên đơn 10 ngày công thợ xây dựng với số tiền 4.000.000đ (Bốn triệu đồng).

3. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn về việc yêu cầu bị đơn là bà T, bà T, bà Đ chấm dứt hành vi cản trở trái pháp luật. Buộc bà T, bà T, bà Đ chấm dứt hành vi cản trở trái pháp luật đối với việc thực hiện quyền sử dụng đất của nguyên đơn đối với thửa đất số 1849, tờ bản đồ số 01, diện tích 690m² tại thôn A 1, xã N, huyện T, tỉnh Quảng Ngãi.

4. Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn về việc yêu cầu bị đơn bồi thường tiền thuê thợ xây dựng. Buộc bà T, bà T, bà Đ phải bồi thường cho nguyên đơn 10 ngày công thợ xây dựng, mỗi ngày 250.000đ, tổng cộng 2.500.000đ, cụ thể mỗi người phải bồi thường 833.000đ (Tám trăm ba mươi ba ngàn đồng).

5. Bác phần yêu cầu của nguyên đơn buộc bị đơn phải bồi thường 10 ngày công thợ xây dựng là 1.500.000đ (4.000.000đ - 2.500.000đ).

6. Bà T, bà T, bà Đ phải chịu 300.000đ án phí dân sự sơ thẩm về việc chấm dứt hành vi cản trở trái pháp luật và mỗi người phải chịu 300.000đ án phí dân sự sơ thẩm về phần bồi thường thiệt hại, như vậy bà T, bà T, bà Đ mỗi người phải chịu 400.000đ (Bốn trăm ngàn đồng) án phí dân sự sơ thẩm.

Ông H phải chịu 300.000đ án phí dân sự sơ thẩm đối với phần yêu cầu bồi thường thiệt hại về tiền thuê thợ xây dựng không được chấp nhận, nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm đã nộp là 600.000đ theo biên lai số AA/2014/0004317 ngày 10/4/2017 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Tư Nghĩa, tỉnh Quảng Ngãi. Ông H được hoàn trả lại số tiền chênh lệch là 300.000đ (Ba trăm ngàn đồng).

Bà T phải chịu 300.000đ (Ba trăm ngàn đồng) án phí dân sự phúc thẩm, nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí dân sự phúc thẩm đã nộp là 300.000đ theo biên lai số AA/2014/0004421 ngày 05/9/2017 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Tư Nghĩa, tỉnh Quảng Ngãi. Bà T đã nộp đủ án phí dân sự phúc thẩm.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất qui định tại khoản 2 điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015.

Trường hợp quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án

hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh Quảng Ngãi;
- TAND, VKSND huyện Tư Nghĩa;
- Chi cục THADS huyện Tư Nghĩa;
- Các đương sự;
- Lưu: Hồ sơ; Tòa Dân sự.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

Trịnh Thị Thu Lan